

Số: 2949 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, quốc tịch và trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Số 2006/QĐ-BTP ngày 30/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý; số 2009/QĐ-BTP ngày 30/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng; số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2170/TTr-STP ngày 22/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, quốc tịch và trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; hướng dẫn, cung cấp nội dung thủ tục hành chính để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan niêm yết, công khai; hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính và xây dựng, gỡ bỏ/thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố. Hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính lĩnh vực quốc tịch công bố tại các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Số 2129/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; số 2061/QĐ-UBND ngày 17/6/2024; số 542/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: TTPVHCCTP, NC;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.V.Trưởng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG, QUỐC TỊCH
VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (15 TTHC)

(Kèm theo Quyết định số **2949**/QĐ-UBND ngày **23**/7/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
I. Lĩnh vực Công chứng (04 TTHC)								
1.	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định	Toàn trình		- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025;
2.	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	20 ngày làm việc		500.000đ	Toàn trình		- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
3.	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	15 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;
4.	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	20 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025;
II. Lĩnh vực Quốc tịch (05 TTHC)								
5.	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	105 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	3.000.000 đồng (Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; Người		Một phần	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025.

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
					không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).			
6.	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày làm việc		2.500.000 đồng (Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam; Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).	Toàn trình		
7.	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày làm việc		2.500.000 đồng	Toàn trình		

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
8.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 53 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh thông thường; - 68 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh phức tạp 	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	<p>100.000 đồng (miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên</p>	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025 - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025;

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
					giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã)			
9.	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) 		100.000 đồng (miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15; - Nghị định số 191/2025/QH15/NĐ-CP ngày 01/7/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025.

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Cơ sở pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
			hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).		Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã)			
III. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (06 TTHC)								
10.	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Không quy định	Toàn trình		- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định 144/2017/NĐ-Cp ngày 15/12/2017 của Chính phủ;

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
				phố				- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 11/2025/TT-BTP; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025
11.	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định	Toàn trình		- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 - Thông tư số 08/2025/TT-BTP
12.	2.001680	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp	Không quy định	Toàn trình		- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 - Thông tư số 08/2025/TT-BTP



TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
				lý				ngày 12/6/2025; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP
13.	2.000829	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện đề thụ lý hoặc phải bổ	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không quy định	Toàn trình		- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 11/2025/TT-BTP; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
			sung giấy tờ, tài liệu liên quan					
14.	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	<p>- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại;</p> <p>- Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.</p>	TTPVHC C/Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý	Không quy định	Toàn trình		<p>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</p> <p>- Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;</p> <p>- Thông tư số 11/2025/TT-BTP</p>

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
15.	2.001687	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không quy định	Toàn trình		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022; - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP